TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 352/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 8 - 2023
V/v ly hôn Linh - Phương"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Ông Nguyễn Đình Phùng

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa***: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 140/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: tổ I, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Chị L và anh P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 24/3/2023 và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Chị và anh P qua tìm hiểu, được sự đồng ý của cha mẹ có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 20/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vả, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể sống với

nhau được nữa anh P bỏ đi từ năm 2017 và chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung Trần Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 03/12/2013, hiện do chị đang nuôi dưỡng, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn P đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Chị L và anh P được xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được và chị L yêu cầu ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung có 01 con chung tên Trần Nguyễn Linh Đ sinh ngày 03/12/2013, hiện đang sống với chị L nên đề nghị HĐXX xem xét giao con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh P nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự,.

[1.3] Chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh P1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giả quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L và anh P xác lập quan hệ hôn nhân năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa

nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2017 đến nay, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng trong thời gian dài. Sau khi ly thân, anh chị mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh, chị có 01 con chung Trần Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 03/12/2013, hiện đang sống với chị L, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Xét, từ khi ly thân đến nay con chung do chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, đảm bảo phát triển bình thường về thể chất, tinh thần; căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao con chung cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến thành niên hoặc tự lập được, anh P không phải cấp dưỡng cho con. Chị L phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh P đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, chị L không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì anh P có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị L và anh P phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định pháp luật. Anh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn anh Trần Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 20/01/2014 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp cho chị L và anh P không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thùy L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 03/12/2013 đến thành niên và lao động được; anh P không phải cấp dưỡng cho con.

Chị L phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh P đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006120 ngày 21/4/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Ninh, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn